

Ngành Ngân hàng

Các ngân hàng sẽ cần 283 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 trong ba năm tới để bổ sung nguồn vốn và an toàn vốn

LIÊN HỆ

Phan Duy Hưng, CFA, MBA
Giám đốc – Chuyên gia phân tích cao cấp
hung.phan@visrating.com

Nguyễn Đức Huy, CFA
Chuyên viên phân tích
huy.nguyen@visrating.com

Simon Chen, CFA
Giám đốc bộ phận Xếp hạng và Nghiên cứu
simon.chen@visrating.com

Trong 5 năm qua, các ngân hàng Việt Nam ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn vốn thị trường để đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn và đảm bảo các yêu cầu về an toàn vốn cho tăng trưởng kinh doanh trong bối cảnh tăng trưởng tiền gửi chậm lại. Khi tăng trưởng tín dụng cải thiện hơn trong 1-3 năm tới, các ngân hàng sẽ cần 283 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 để hỗ trợ nguồn vốn nội bộ và duy trì tỷ lệ an toàn vốn.

Các ngân hàng tăng cường phát hành trái phiếu dài hạn trong những năm gần đây để bổ sung nguồn vốn và an toàn vốn nhằm tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn hoạt động. Các ngân hàng đã phát hành tổng cộng 196 nghìn tỷ đồng trái phiếu trong năm 2023, cao hơn mức 104 nghìn tỷ đồng năm 2019; và trái phiếu tăng vốn cấp 2 chiếm 35% quy mô trái phiếu phát hành. Các ngân hàng sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu để hỗ trợ cho các khoản cho vay dài hạn và đáp ứng các tỷ lệ theo quy định: kiểm soát tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn dưới 30% và tỷ lệ cho vay trên tiền gửi ở mức 85%.

Trong khi đó, các ngân hàng quốc doanh và một số các ngân hàng tư nhân quy mô nhỏ sử dụng nhiều trái phiếu tăng vốn cấp 2 hơn trong cơ cấu vốn của mình để khắc phục những hạn chế trong việc huy động vốn cổ phần và hỗ trợ nguồn vốn cấp 1 đang ở mức thấp.

Chúng tôi kỳ vọng ngành ngân hàng sẽ phát hành hơn 283 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 trong ba năm tới. Chúng tôi kỳ vọng khoảng 55% trái phiếu tăng vốn cấp 2 mới sẽ được phát hành bởi các ngân hàng quốc doanh do vốn cấp 2 của các ngân hàng này sẽ bị khấu trừ đáng kể. Theo quy định, trái phiếu tăng vốn cấp 2 đang lưu hành được tính vào vốn tự có sẽ bị khấu trừ khoảng 20% mỗi năm trong 5 năm cuối của kỳ hạn trái phiếu.

Các ngân hàng sẽ cần phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 mới để thay thế các trái phiếu bị khấu trừ và tăng mức an toàn vốn. Một vài ngân hàng tư nhân nhỏ có khả năng sinh lời yếu sẽ phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 để hỗ trợ 3-4% tỷ lệ an toàn vốn. Ngoài ra, một số ngân hàng tư nhân quy mô vừa và lớn sẽ sử dụng trái phiếu tăng vốn cấp 2 để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao.

Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu đầu tư trái phiếu tăng vốn cấp 2 của các nhà đầu tư cá nhân vẫn duy trì ở mức cao. Nhà đầu tư cá nhân nắm giữ phần lớn trái phiếu tăng vốn cấp 2 được chào bán ra công chúng, chủ yếu là do lợi suất của các trái phiếu này cao hơn so với tiền gửi và trái phiếu thường. Trái phiếu ngân hàng chủ yếu được phát hành riêng lẻ để giúp các tổ chức phát hành huy động vốn trong khoảng thời gian ngắn với các yêu cầu tối thiểu về hồ sơ và tài liệu quy định. Chúng tôi kỳ vọng ngân hàng sẽ đẩy mạnh phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2



ra công chúng nhiều hơn để có thể khai thác nhu cầu mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân, vì các tổ chức phát hành sẽ không còn được phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư cá nhân không phải là nhà đầu tư chuyên nghiệp.

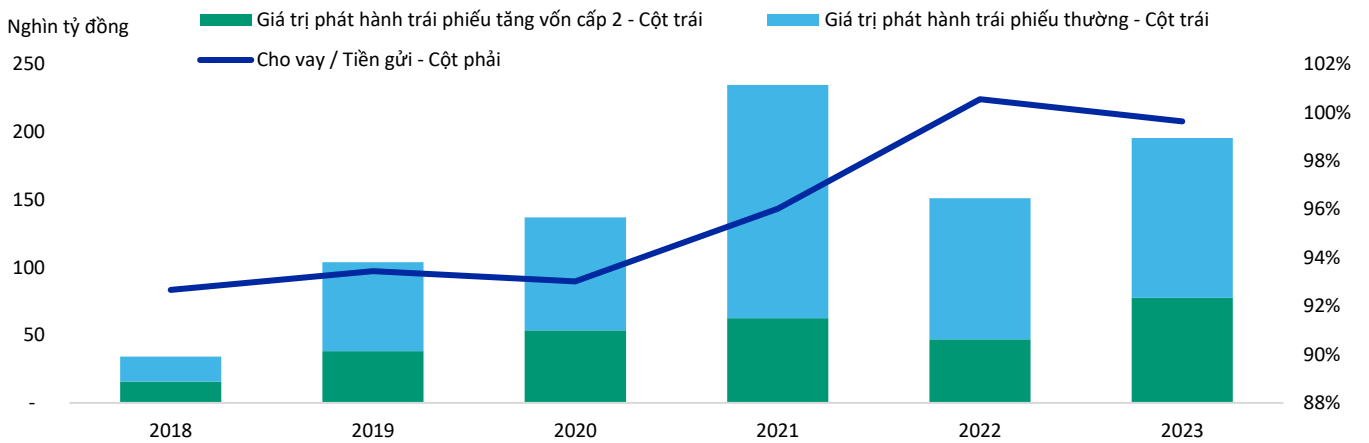
Tuy nhiên, các nhà đầu tư cần nhận thức được những rủi ro đến từ sản phẩm đầu tư này, ví dụ như không được bảo lãnh thanh toán hoặc bảo hiểm chậm thanh toán và có thể bị mua lại trước hạn.

Các ngân hàng tăng cường phát hành trái phiếu dài hạn trong những năm gần đây để bổ sung nguồn vốn và an toàn vốn nhằm tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn hoạt động

Bên cạnh việc huy động chủ yếu từ tiền gửi, các ngân hàng đẩy mạnh huy động vốn dài hạn trong 5 năm qua

Tăng trưởng tiền gửi chậm lại do điều kiện hoạt động kinh doanh suy giảm trong giai đoạn 2021-2022 đã thúc đẩy hoạt động huy động vốn trái phiếu để hỗ trợ tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi của ngành ngân hàng tăng mạnh và đạt đỉnh ở mức 101% do huy động tiền gửi cá nhân và doanh nghiệp gặp khó khăn (Hình 1).

Hình 1: Ngân hàng đẩy mạnh phát hành trái phiếu trong 5 năm qua

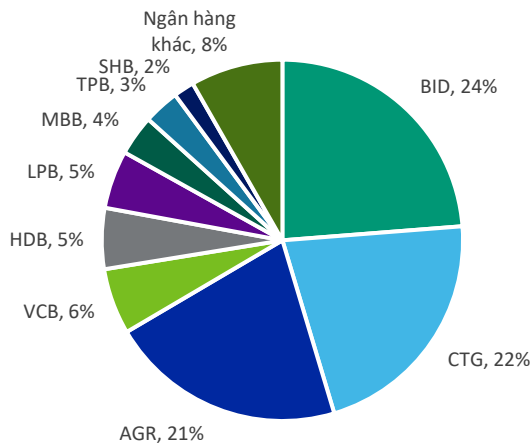


Nguồn: HNX, Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Các ngân hàng đã phát hành tổng cộng 196 nghìn tỷ đồng trái phiếu trong năm 2023, cao hơn đáng kể mức 104 nghìn tỷ đồng của năm 2019, và trái phiếu tăng vốn cấp 2 đóng góp 35% tổng giá trị phát hành.

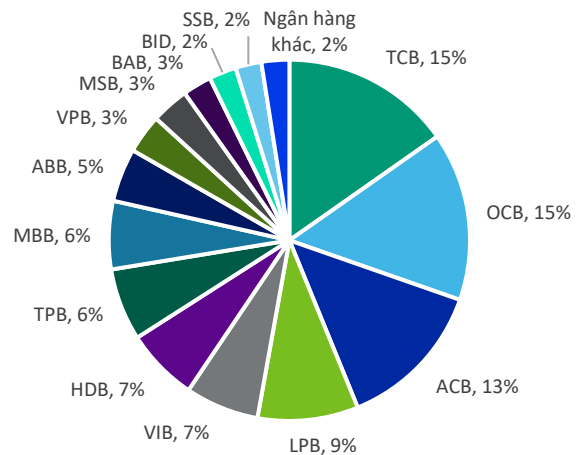
Tính đến cuối năm 2023, 72% trái phiếu tăng vốn cấp 2 đang lưu hành được phát hành bởi các ngân hàng quốc doanh (Hình 2), trong khi 98% trái phiếu thường (senior), không có tài sản đảm bảo được phát hành bởi các ngân hàng cổ phần tư nhân (Hình 3).

Hình 2: Chủ yếu trái phiếu tăng vốn cấp 2 đang lưu hành vào cuối năm 2023 được phát hành bởi nhóm ngân hàng quốc doanh...



Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service
Ghi chú: Tham khảo Phụ lục để biết tên đầy đủ của các ngân hàng

Hình 3: ...trong khi các ngân hàng tư nhân chủ yếu phát hành trái phiếu thường



Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service
Ghi chú: Tham khảo Phụ lục để biết tên đầy đủ của các ngân hàng

Ngân hàng cần nguồn vốn dài hạn để đáp ứng các tỷ lệ quy định về nguồn vốn và an toàn vốn

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) yêu cầu các ngân hàng duy trì một số tỷ lệ an toàn tài chính như SMLR, LDR và CAR trong ngưỡng quy định (Hình 4).

Hình 4: Một số tỷ lệ an toàn tài chính của ngân hàng và ngưỡng quy định

Tỷ lệ	Vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (SMLR)	Cho vay trên tổng huy động (LDR)	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)
Văn bản quy định	Thông tư 22/2019/TT-NHNN ¹ Thông tư 08/2020/TT-NHNN ²	Thông tư 22/2019/TT-NHNN Thông tư 26/2022/TT-NHNN ³	Thông tư 41/2016/TT-NHNN ⁴ Thông tư 22/2019/TT-NHNN
Cách tính toán	Cho vay trung dài hạn trừ đi nguồn vốn trung dài hạn, chia cho nguồn vốn ngắn hạn	Tổng dư nợ cho vay, chia cho tổng nguồn vốn như tiền gửi khách hàng, tiền gửi từ Kho bạc Nhà nước, nguồn vốn liên ngân hàng, giấy tờ có giá	Tổng vốn tự có bao gồm vốn chủ sở hữu (Cấp 1), nợ thứ cấp, v.v. chia cho Tài sản có trọng số rủi ro
Ngưỡng quy định	<30%	<85%	>8%

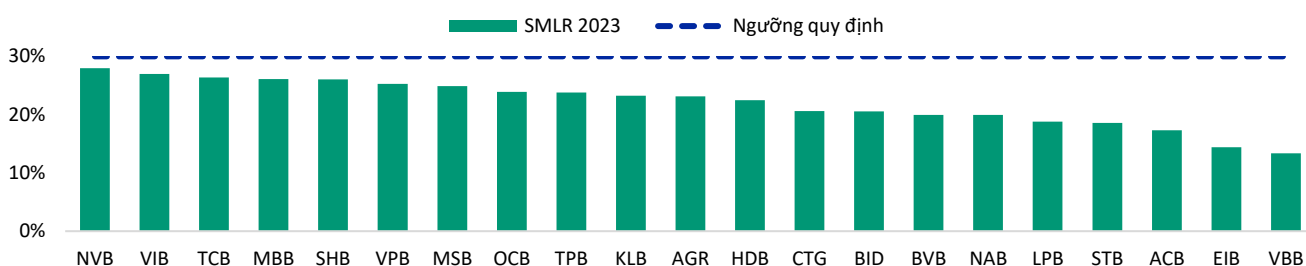
Nguồn: Vietnam Investors Service

Cả trái phiếu thường và trái phiếu tăng vốn cấp 2 do ngân hàng phát hành đều có thể được sử dụng để đáp ứng các tỷ lệ quy định, bởi các trái phiếu này giúp cải thiện sự ổn định về nguồn vốn cho ngân hàng.

Trái phiếu có kỳ hạn dài hơn các nguồn vốn thị trường khác như vay liên ngân hàng, và chứng chỉ tiền gửi từ đó giảm khả năng dễ bị tổn thương trước rủi ro tái cấp vốn và rủi ro thanh khoản. Theo quy định hiện tại, trái phiếu tăng vốn cấp 2 được sử dụng như là vốn bổ sung để bảo đảm khả năng thanh toán cho ngân hàng. Các ngân hàng thường bù đắp chi phí vốn cao của trái phiếu tăng vốn cấp 2 bằng cách đẩy mạnh cho vay và đầu tư tài sản có kỳ hạn dài hơn.

Trước khi triển khai các quy định về tỷ lệ SMLR vào tháng 9 năm 2019, các ngân hàng chủ yếu sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay dài hạn nhằm tối đa hóa lợi nhuận từ đó dẫn đến sự chênh lệch đáng kể về thanh khoản. Những ngân hàng tăng trưởng mạnh cho vay và có tỷ lệ SMLR tiệm cận mức trần 30% sẽ đẩy mạnh huy động nguồn vốn trái phiếu dài hạn (Hình 5). Đến cuối năm 2023, tăng trưởng cho vay của các ngân hàng này đạt 24% cao hơn mức trung bình ngành là 16%; và tới 60% khoản vay là trung và dài hạn, vượt mức trung bình ngành 44%.

Hình 5: Một số ngân hàng chịu áp lực phải đáp ứng tỷ lệ SMLR theo quy định kể từ năm 2023



Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Ghi chú: Thảo khảo Phụ lục để biết tên đầy đủ của các ngân hàng

¹ Tham khảo [Thông tư 22/2019/TT-NHNN](#): Quy định về tỷ lệ an toàn trong hoạt động của ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài

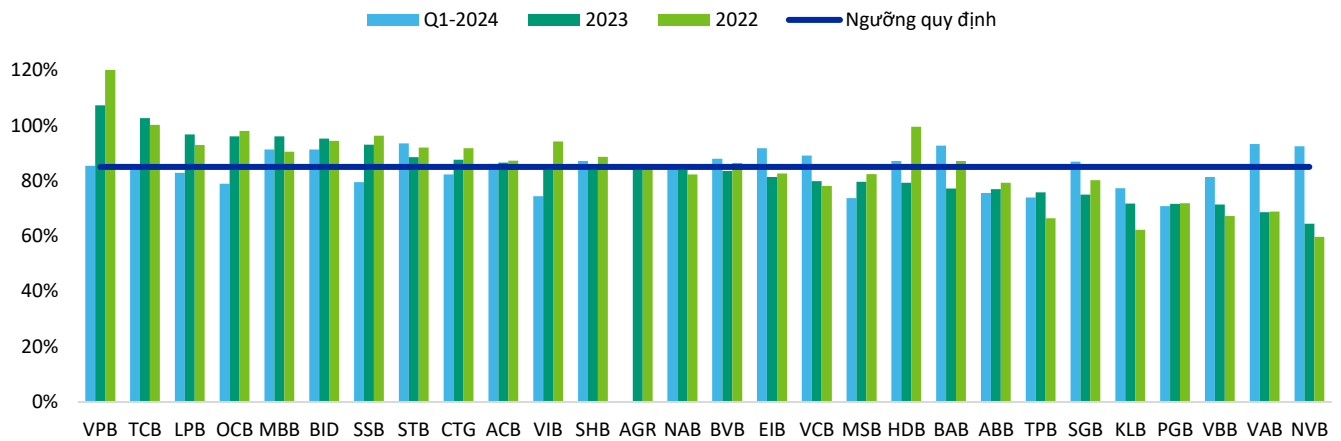
² Tham khảo [Thông tư 08/2020/TT-NHNN](#) gia hạn thời gian áp dụng tỷ lệ SMLR mới tại Thông tư 22/2019/TT-NHNN

³ Tham khảo [Thông tư 26/2022/TT-NHNN](#) sửa đổi cách tính LDR trong Thông tư 22/2019/TT-NHNN. Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) bằng tổng cho vay chia cho tổng tiền gửi gồm tiền gửi khách hàng, tiền gửi Kho bạc (một phần) và của các tổ chức tín dụng khác và giấy tờ có giá

⁴ Tham khảo [Thông tư 41/2016/TT-NHNN](#): Quy định về tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Chúng tôi cũng kỳ vọng một số ngân hàng có tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng vốn huy động tiệm cận mức trần 85% của tỷ lệ LDR theo quy định sẽ cần phát hành trái phiếu (Hình 6).

Hình 6: Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng vốn huy động



Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

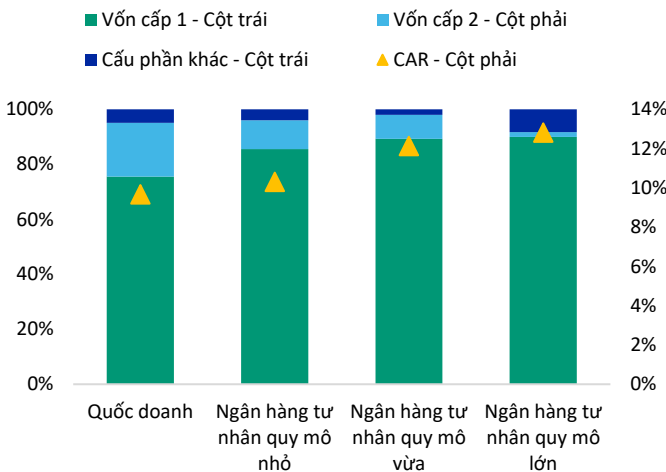
Ghi chú: Tổng vốn huy động bao gồm tiền gửi khách hàng, tiền gửi của Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác
Tham khảo Phụ lục để biết tên đầy đủ của các ngân hàng

Hầu hết các ngân hàng quốc doanh và một số ngân hàng tư nhân quy mô nhỏ đều dựa vào trái phiếu tăng vốn cấp 2 để khắc phục những hạn chế trong việc huy động vốn mới

Nhóm ngân hàng quốc doanh và ngân hàng tư nhân quy mô nhỏ sử dụng nhiều trái phiếu tăng vốn cấp 2 hơn trong cơ cấu vốn tự có (Hình 7), để bổ sung mức vốn cấp 1 thấp và đáp ứng quy định về tỷ lệ an toàn vốn.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân thấp (ROAA, Hình 8) cùng với việc trả cổ tức tiền mặt thường xuyên đã hạn chế khả năng tạo vốn cấp 1 mới để hỗ trợ tăng trưởng tín dụng. Các ngân hàng quốc doanh nhận thấy việc huy động vốn cấp 2 mới sẽ tiết kiệm thời gian hơn so với việc huy động vốn cổ phần mới vốn đòi hỏi quy trình thủ tục kéo dài.

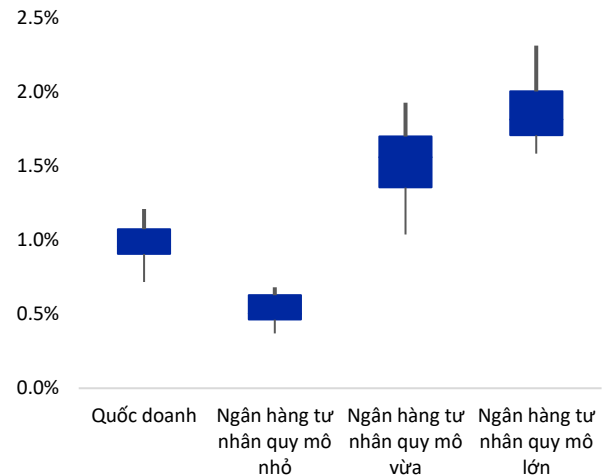
Hình 7: Trái phiếu tăng vốn cấp 2 là cấu phần quan trọng để ngân hàng quốc doanh đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tính đến 6T2023



Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Ghi chú: Tham khảo Phụ lục để biết phân loại ngân hàng

Hình 8: Ngân hàng quốc doanh và ngân hàng tư nhân quy mô nhỏ thuộc nhóm có ROAA thấp nhất tính đến năm 2023



Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Ghi chú: Tham khảo Phụ lục để biết phân loại ngân hàng

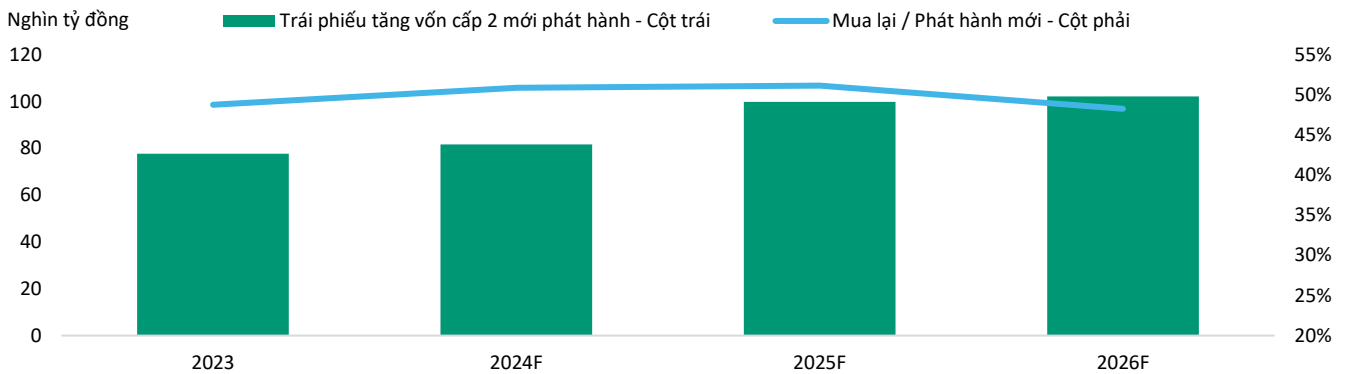
Chúng tôi kỳ vọng ngành ngân hàng sẽ phát hành hơn 283 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 trong ba năm tới

Phần lớn trái phiếu tăng vốn cấp 2 mới sẽ do các ngân hàng quốc doanh phát hành, tiếp đến là một số ngân hàng quy mô vừa và lớn có tốc độ tăng trưởng nhanh và một vài ngân hàng nhỏ có lợi nhuận yếu hơn so với các ngân hàng cùng nhóm

Khi tăng trưởng tín dụng hồi phục trong 1-3 năm tới, các ngân hàng sẽ cần hơn 283 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 (Hình 9) để bổ sung nguồn vốn nội bộ và duy trì tỷ lệ an toàn vốn.

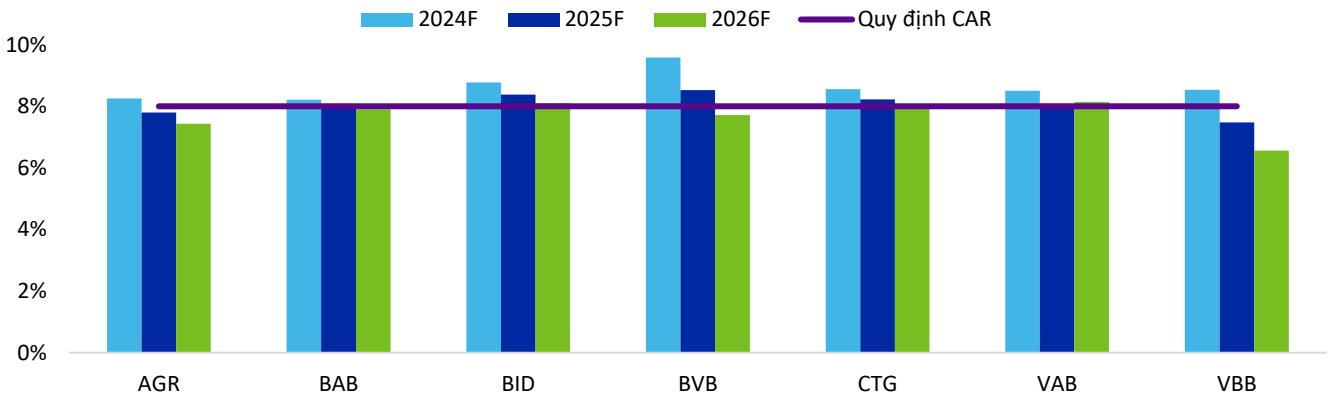
Lợi nhuận ngân hàng sẽ dần được cải thiện, nhưng nếu không có tăng vốn cổ phần mới, tỷ lệ an toàn vốn sẽ giảm dần đặc biệt đối với các ngân hàng quốc doanh và một số ngân hàng tư nhân (Hình 10).

Hình 9: Ngành ngân hàng sẽ cần hơn 283 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 từ 2024-2026



Nguồn: HNX, Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

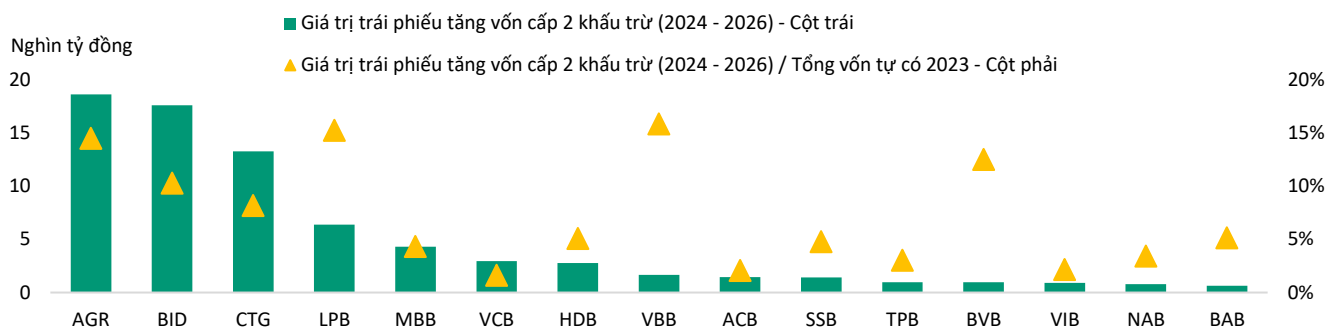
Hình 10: CAR của một số ngân hàng sẽ giảm đáng kể nếu không tăng vốn cổ phần hay phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 mới



Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Ghi chú: Tham khảo Phụ lục để biết tên đầy đủ của các ngân hàng

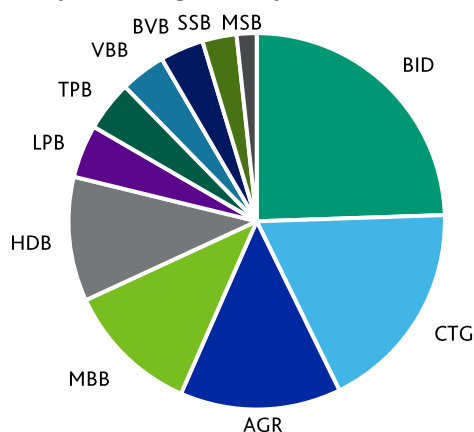
Theo quy định hiện hành, giá trị mệnh giá phiếu tăng vốn cấp 2 đang lưu hành được ghi nhận vào vốn tự có sẽ bị khấu trừ 20% mỗi năm trong 5 năm cuối của kỳ hạn trái phiếu (Hình 11). Các ngân hàng đang gặp vấn đề về rủi ro tài sản hoặc không thể huy động vốn cổ phần mới sẽ cần phát hành thêm trái phiếu tăng vốn cấp 2. Trái phiếu tăng vốn cấp 2 mới sẽ giúp thay thế những trái phiếu hiện có đang bị khấu trừ hoặc bị mua lại sớm và/hoặc bù đắp sự tăng trưởng của tài sản có trọng số rủi ro.

Hình 11: Khấu trừ của trái phiếu tăng vốn cấp 2 và mức độ ảnh hưởng vào vốn tự có từ 2024-2026

Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Ghi chú: Tham khảo Phụ lục để biết tên đầy đủ của các ngân hàng

Trong 3 năm tới, chúng tôi dự kiến gần 55% trái phiếu tăng vốn cấp 2 mới sẽ được phát hành bởi nhóm ngân hàng quốc doanh (Hình 12) do trái phiếu tăng vốn cấp 2 đang lưu hành của các ngân hàng này sẽ bị giảm đáng kể do bị khấu trừ. Một vài ngân hàng tư nhân nhỏ có khả năng sinh lời yếu sẽ phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 để hỗ trợ 3-4% tỷ lệ an toàn vốn. Ngoài ra, một số ngân hàng tư nhân quy mô vừa và lớn sẽ sử dụng trái phiếu tăng vốn cấp 2 để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao.

Hình 12: Dự báo quy mô phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 mới theo từng ngân hàng trong 3 năm tới

Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Ghi chú: Tham khảo Phụ lục để biết tên đầy đủ của các ngân hàng

Tính đến ngày báo cáo, một số ngân hàng đã công bố kế hoạch phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 trong nửa đầu năm 2024 (Hình 13).

Hình 13: Danh sách các ngân hàng đã công bố kế hoạch phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2

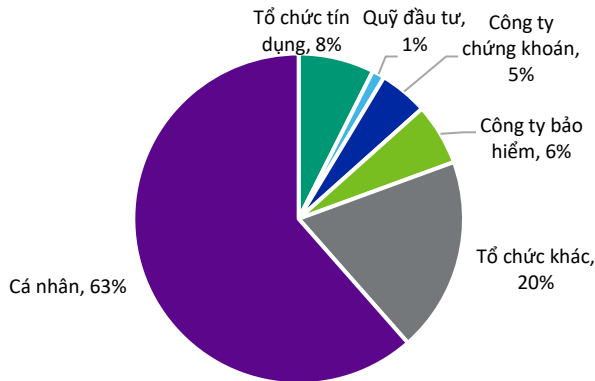
Ngân hàng	Thời điểm phát hành	Giá trị phát hành	Loại trái phiếu
BAB	Từ 2024 - 2026	9 nghìn tỷ đồng	Tăng vốn cấp 2
BID	Từ 6/2024 - 12/2024	14 nghìn tỷ đồng	Tăng vốn cấp 2
CTG	Từ 6/2024 - 11/2024	8 nghìn tỷ đồng	Tăng vốn cấp 2
HDB	Trong năm 2024	20 nghìn tỷ đồng	Tăng vốn cấp 2/Thường
MBB	Trong năm 2024	10 nghìn tỷ đồng	Tăng vốn cấp 2
SHB	Từ 6/2024 - 12/2024	5 nghìn tỷ đồng	Tăng vốn cấp 2
VAB	Trong năm 2024	1 nghìn tỷ đồng	Tăng vốn cấp 2

Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu đầu tư trái phiếu tăng vốn cấp 2 của các nhà đầu tư cá nhân vẫn duy trì ở mức cao

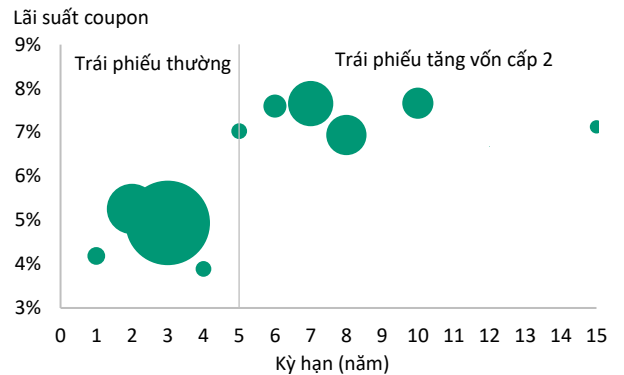
Các nhà đầu tư cá nhân nắm giữ phần lớn trái phiếu tăng vốn cấp 2 đang lưu hành được phát hành thông qua phương thức chào bán ra công chúng (Hình 14), chủ yếu do lợi suất mà các trái phiếu này mang lại cao hơn so với tiền gửi ngân hàng và trái phiếu thường (Hình 15). Trong khi các ngân hàng thường nắm giữ một lượng lớn trái phiếu do các ngân hàng khác phát hành (Hình 16), một số ngân hàng thường có ít động lực hơn để đầu tư vào trái phiếu tăng vốn cấp 2 của các ngân hàng khác do các khoản đầu tư này sẽ bị loại trừ ra khỏi vốn tự có theo quy định.

Hình 14: 63% lượng trái phiếu tăng vốn cấp 2 chào bán ra công chúng được nắm giữ bởi nhà đầu tư cá nhân



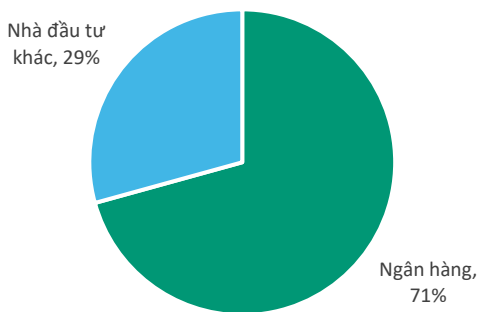
Source: HNX, Vietnam Investors Service
 Ghi chú: Dữ liệu bao gồm trái phiếu tăng vốn cấp 2 phát hành ra công chúng của BID, CTG, AGR, LPB, VBB, BAB

Hình 15: Lãi suất coupon cao hơn so với trái phiếu thường



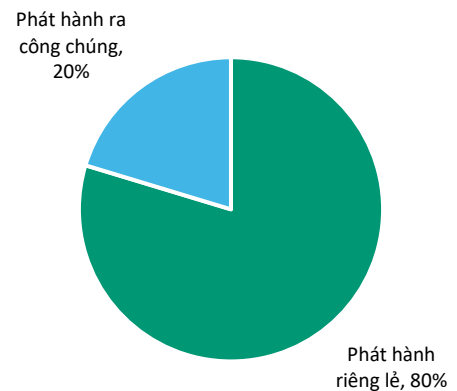
Nguồn: Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

Hình 16: 71% giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành được đầu tư bởi ngân hàng khác tính đến năm 2023



Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Vietnam Investors Service

Hình 17: Phần lớn trái phiếu ngân hàng đang lưu hành được phát hành riêng lẻ



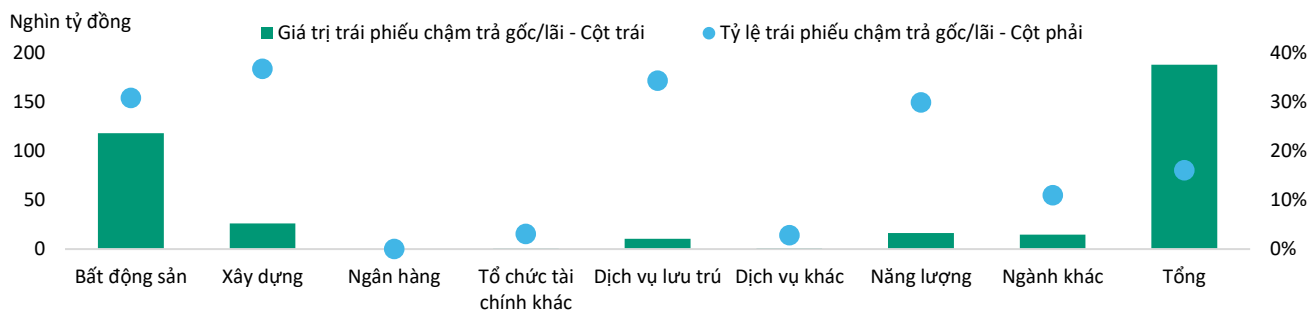
Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Như được minh họa trong hình 17, trước đây trái phiếu ngân hàng hầu hết được phát hành riêng lẻ từ đó cho phép tổ chức phát hành có thể huy động vốn trong một khoảng thời gian ngắn với các yêu cầu tối thiểu về hồ sơ và tài liệu quy định.

Chúng tôi kỳ vọng sẽ có nhiều trái phiếu tăng vốn cấp 2 hơn được phát hành dưới hình thức chào bán ra công chúng để đáp ứng nhu cầu mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân. Điều này là do, theo Nghị định 65, tổ chức phát hành không còn được phát hành trái phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư cá nhân mà không phải là nhà đầu tư chuyên nghiệp.

Nhu cầu mạnh mẽ của nhà đầu tư cá nhân cho trái phiếu tăng vốn cấp 2 sẽ được hỗ trợ một phần bởi việc chưa có trường hợp trái phiếu ngân hàng nào bị chậm trả gốc/lãi (Hình 18) trong bối cảnh tỷ lệ chậm trả gốc/lãi trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng cao⁵.

Hình 18: Không xảy ra tình trạng chậm trả gốc/lãi đối với trái phiếu do ngân hàng phát hành



Nguồn: HNX, Vietnam Investors Service

Tuy nhiên, các nhà đầu tư cần nhận thức được những rủi ro đến từ sản phẩm đầu tư này, ví dụ như không được bảo lãnh thanh toán hoặc bảo hiểm chậm thanh toán và có thể bị mua lại trước hạn. Hình 19 tóm tắt sự khác biệt trong các điều khoản chính của một vài trái phiếu tăng vốn cấp 2 và trái phiếu thường không có tài sản đảm bảo, ví dụ như trái phiếu tăng vốn cấp 2 có kỳ hạn dài hơn, lãi suất cao hơn và có rủi ro bị chậm thanh toán lãi coupon.

Hình 19: Trái phiếu tăng vốn cấp 2 có kỳ hạn dài hơn, lãi suất cao hơn và có thể bị chậm thanh toán lãi coupon

Điều khoản	BID	CTG	BAB	ACB
Mã trái phiếu	BID121027	CTGH2136002	BAB202201-07C	ACBH2123014
Loại trái phiếu	Trái phiếu tăng vốn cấp 2			Trái phiếu thường
Kỳ hạn	8 năm	15 năm	7 năm	2 năm
Mua lại	Sau 3 năm	Sau 10 năm	Sau 2 năm	Theo thỏa thuận
Lãi suất coupon	» Thả nổi, biên độ 0.9% » Biên độ tăng lên nếu không mua lại	» Thả nổi, biên độ 0.9%	» Kết hợp cố định và thả nổi » Biên độ tăng lên nếu không mua lại	» Cố định: 3.1%
Chậm thanh toán lãi coupon	Có			Không
Tài sản đảm bảo	Không có tài sản đảm bảo			

Nguồn: HNX, Dữ liệu công ty, Vietnam Investors Service

⁵ Tham khảo báo cáo [Tổng quan Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp Tháng 4 \(13/05/2024\)](#) và [Góc nhìn Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp: Xây dựng kỷ luật chặt chẽ hơn trên thị trường trái phiếu là điều kiện cần thiết để giá trị phát hành mới tăng trưởng bền vững và giảm dần tỉ lệ chậm trả gốc/lãi trong giai đoạn phát triển mới \(27/02/2024\)](#).

PHỤ LỤC

Danh sách các ngân hàng trong báo cáo của chúng tôi:

	Tên ngắn	Tên đầy đủ	Phân loại
1	ABB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình	Nhỏ
2	ACB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	Lớn
3	AGR	Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	Quốc doanh
4	BAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	Nhỏ
5	BID	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	Quốc doanh
6	BVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bản Việt	Nhỏ
7	CTG	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam	Quốc doanh
8	HDB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	Vừa
9	LPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bưu Điện Liên Việt	Vừa
10	MBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	Lớn
11	MSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam	Vừa
12	NAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á	Vừa
13	OCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông	Vừa
14	PGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Thịnh Vượng Và Phát Triển	Nhỏ
15	SGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương	Nhỏ
16	SHB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội	Lớn
17	SSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam Á	Vừa
18	STB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín	Lớn
19	TCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam	Lớn
20	TPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Tiên Phong	Vừa
21	VAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á	Nhỏ
22	VBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín	Nhỏ
23	VCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam	Quốc doanh
24	VIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam	Vừa
25	VPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	Lớn

© 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM (“VIS RATING”). Đã đăng ký bản quyền.

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHIỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ “CÁC ẮN PHẨM”) CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHỨNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỲ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG TRƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẮN PHẨM VỀ CÁC KÝ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TỪY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHIỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỲ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHIỆM (“CÁC ĐÁNH GIÁ”), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NÊU TRONG CÁC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIẾN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CẤU THÀNH VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYẾN ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỲ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỲ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẮN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CẦN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CẦN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CƠ QUAN TÀI CHÍNH HOẶC CỐ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (BAO GỒM CẢ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (“CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING”)) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐÓNG GÓI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHÂN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỲ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỲ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỲ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIÊU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHỨNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIÊU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở “NGUYÊN TRẮNG” mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể độc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các Ắn Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận, cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỲ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỲ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liền trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại <https://visrating.com> dưới tiêu đề “Công Khai Thông Tin Doanh Nghiệp”.

